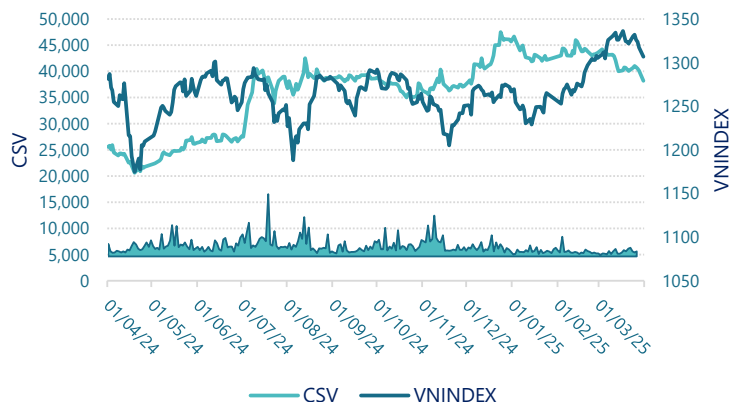




CTCP Hóa chất Cơ bản miền Nam (HSX: CSV)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/03/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	38,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	47,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	20,625
SL cổ phiếu LH	110,499,910
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,279,935
% sở hữu nước ngoài	2.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	4,221
P/E	17.3
EPS	2,209

DT thuần

Q1/25

482

tỷ VNĐ

QoQ: ▼34.0| -6.5%

YoY: ▲ 131| 37.5%

LN sau thuế

Q1/25

56.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.90| 1.7%

YoY: ▲ 6.30| 12.7%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

17.8%

+/- YoY: ▼ 0.6%

DT thuần

2024

1,856

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 268| 16.8%

LN sau thuế

2024

258

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 27.0| 12.0%

ROE

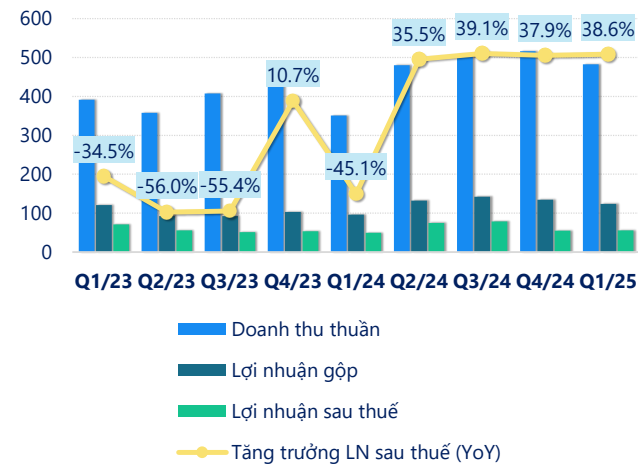
2024

16.0%

+/- YoY: ▲ 1.4%

tỷ VNĐ

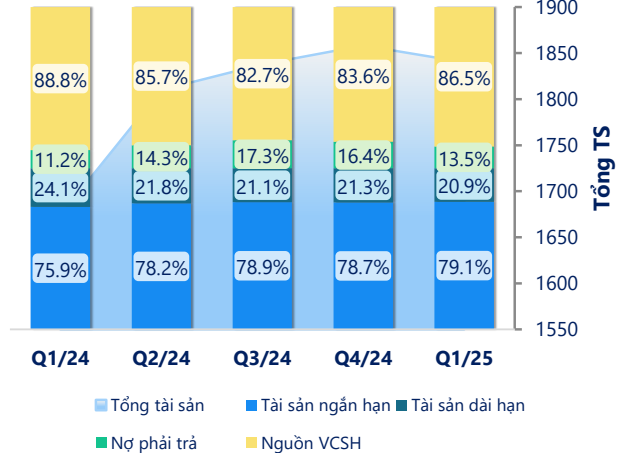
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

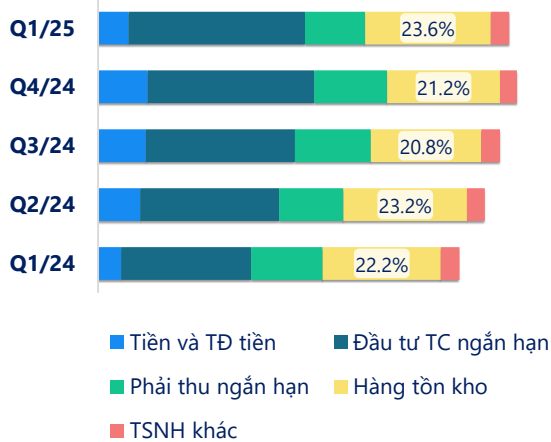
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



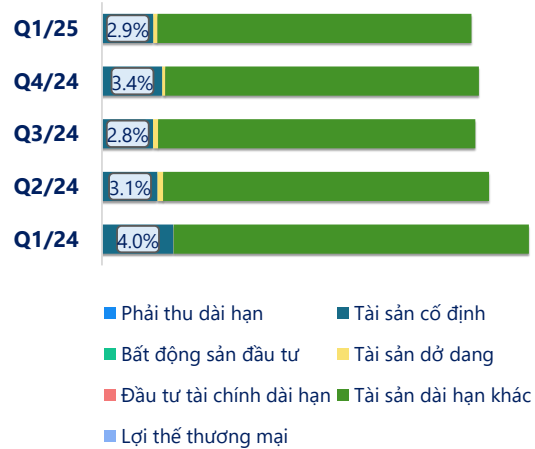
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

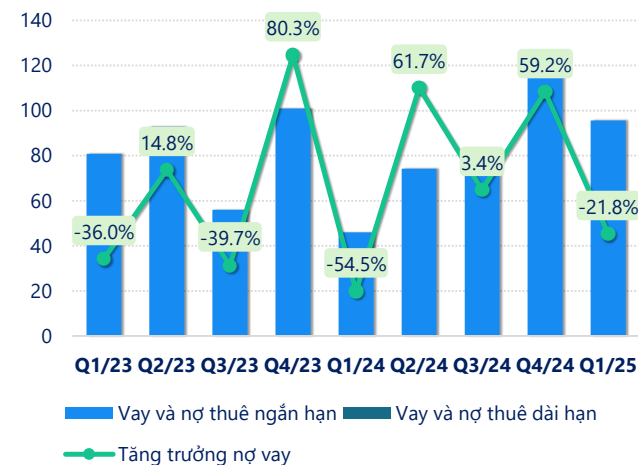
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

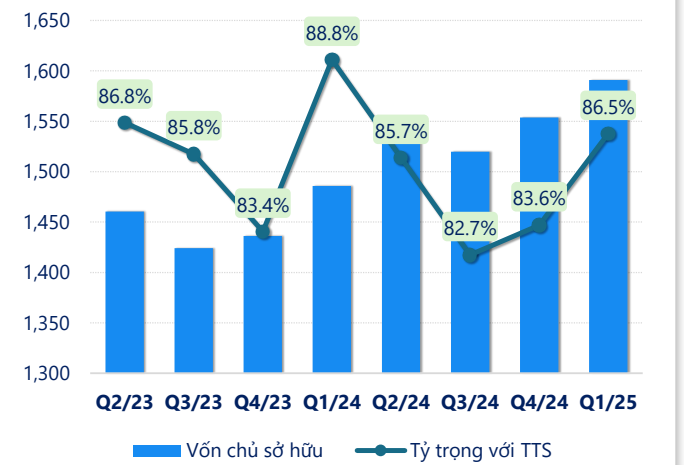
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

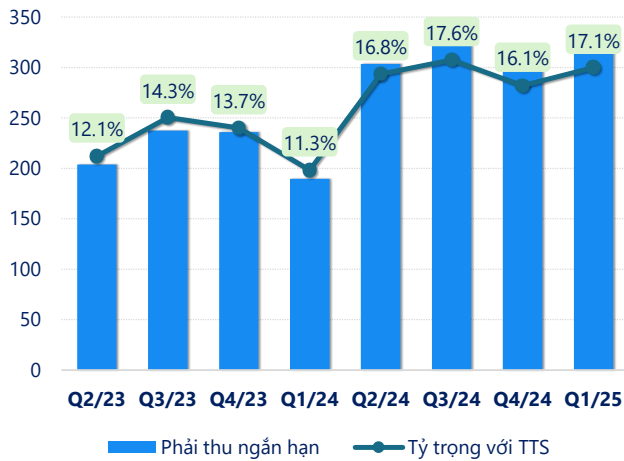
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



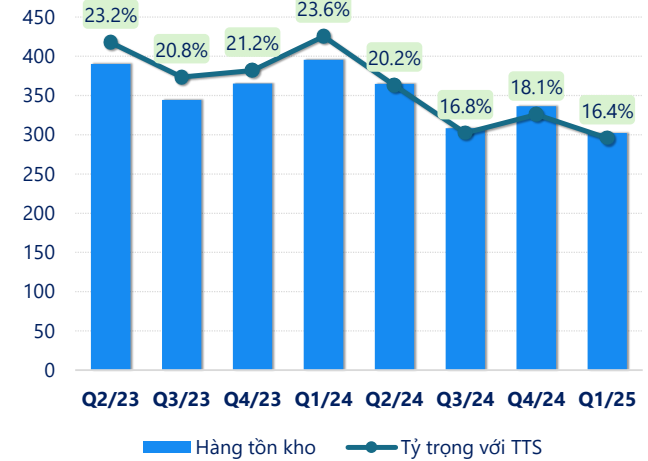
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


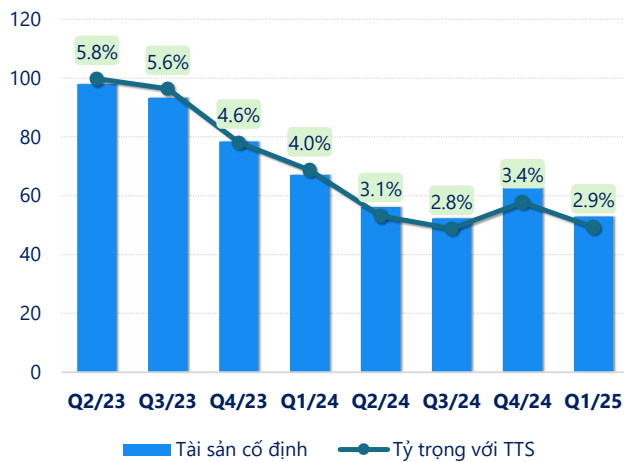
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


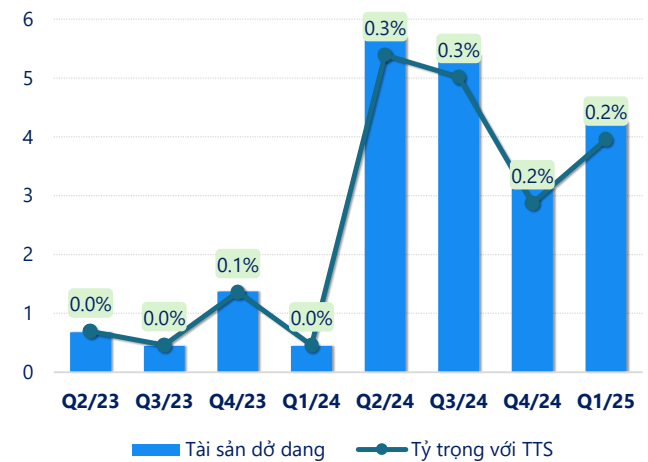
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

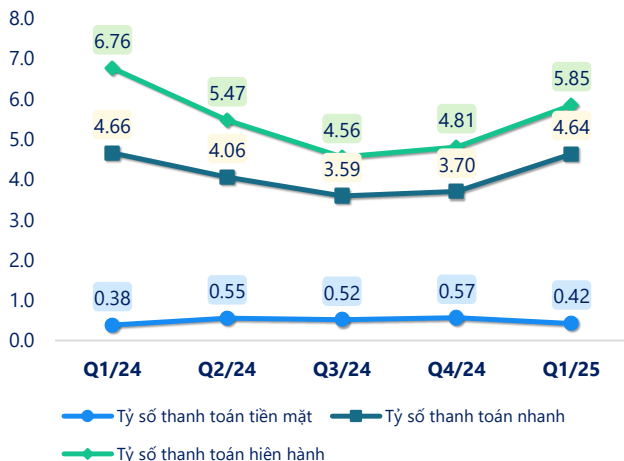
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

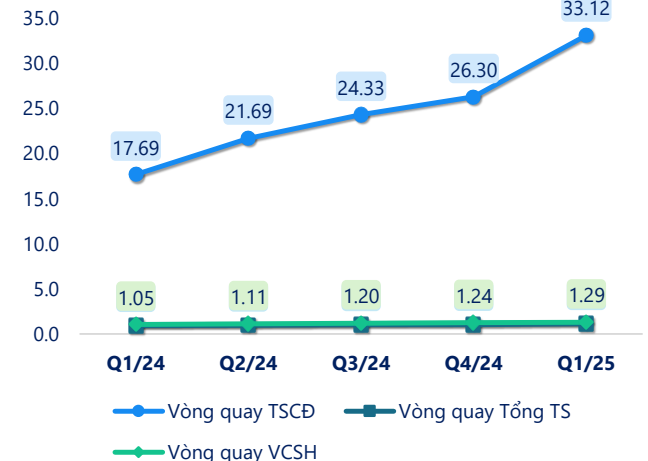
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	1,674	1,810	1,838	1,858	1,840
Tài sản ngắn hạn	1,271	1,415	1,451	1,463	1,456
Tiền và tương đương tiền	72.2	143	165	173	106
Đầu tư tài chính ngắn hạn	555	550	595	605	677
Phải thu ngắn hạn	190	303	323	300	315
Hàng tồn kho	396	365	308	336	302
Tài sản ngắn hạn khác	58.4	53.4	59.4	49.5	56.1
Tài sản dài hạn	403	395	387	395	384
Phải thu dài hạn	0.54	0.60	0.60	0.66	0.40
Tài sản cố định	67.0	56.1	52.3	62.7	52.9
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.45	5.69	5.38	3.12	4.25
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	335	333	329	329	326
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	188	258	318	304	249
Nợ ngắn hạn	188	258	318	304	249
Vay và nợ thuê ngắn hạn	45.9	74.2	76.8	122	95.6
Phải trả người bán ngắn hạn	52.7	38.7	36.4	22.9	41.6
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,486	1,551	1,520	1,554	1,591
Vốn chủ sở hữu	1,486	1,551	1,520	1,554	1,591
Vốn điều lệ	442	442	1,105	1,105	1,105
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)